

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay
của Công ty Cổ phần Du lịch và Khách sạn Việt - Mỹ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Theo Văn bản số 10/BVPTR-KHTH ngày 07/3/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay;

Xét đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của Công ty Cổ phần Du lịch và Khách sạn Việt - Mỹ tại số Văn bản 02/2025/CV-VINHROI ngày 17/3/2025 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 96/TTr-SNNMT ngày 21/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay của Công ty Cổ phần Du lịch và Khách sạn Việt - Mỹ, với tổng diện tích là 3,23 ha, trong đó:

- Rừng trồng 2,13 ha (rừng đặc dụng 0,11 ha, rừng sản xuất 2,02 ha); đất nông nghiệp (có nguồn gốc từ rừng trồng thuộc rừng sản xuất) 1,10 ha.

- Vị trí: Thuộc khoảnh 3, khoảnh 3A, khoảnh 4 và khoảnh 4A, tiểu khu 257, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Ranh giới: Giới hạn điểm góc có tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 độ tại phụ lục kèm theo.

- Hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ kèm theo, gồm:

+ Văn bản số 02/2025/CV-VINHHOI ngày 17/3/2025 của Công ty Cổ phần và Du lịch khách sạn Việt - Mỹ về việc đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Văn bản số 010/BVPTR-KHTH ngày 07/3/2025 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay;.

+ Báo cáo Thuyết minh kết quả điều tra hiện trạng rừng khu đất thực hiện Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay; bản đồ tỷ lệ 1/5000.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty Cổ phần và Du lịch khách sạn Việt - Mỹ thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng; chỉ đạo đơn vị liên quan cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp (Tăng/Giảm); tham mưu UBND tỉnh giải quyết các nội dung liên quan đến đất đai để thực hiện Dự án theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Giám đốc Công ty Cổ phần và Du lịch khách sạn Việt - Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BQLKKT;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K4, K6, K10.

(Chữ ký)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Chữ ký)

Nguyễn Tuấn Thanh



Phụ lục
Tọa độ chuyển mục đích sử dụng rừng
Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Cát Hải Bay
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

KHU VỰC I: Diện tích 0,08 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	Y	X		Y	X
1	607793.54	1547060.63	10	607784.00	1547016.80
2	607805.35	1547053.73	11	607780.71	1547027.96
3	607807.27	1547059.49	12	607765.51	1547020.70
4	607818.22	1547051.87	13	607763.64	1547028.44
5	607815.43	1547048.87	14	607771.39	1547036.99
6	607811.63	1547050.55	15	607778.86	1547031.60
7	607800.54	1547039.55	16	607788.66	1547041.27
8	607803.54	1547036.09	17	607788.83	1547057.65
9	607781.29	1547012.17	18	607789.47	1547058.39

KHU VỰC II: Diện tích 0,03 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	Y	X		Y	X
1	607446.05	1546582.43	4	607451.08	1546537.99
2	607457.81	1546580.60	5	607450.01	1546524.70
3	607455.57	1546555.94			

KHU VỰC III: Diện tích 0,02 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	Y	X		Y	X
1	607456.53	1546361.23	13	607476.56	1546348.49
2	607459.97	1546361.59	14	607476.89	1546347.58
3	607462.71	1546354.22	15	607477.03	1546346.61
4	607463.48	1546352.80	16	607476.99	1546345.67
5	607464.40	1546351.63	17	607476.75	1546344.83
6	607465.66	1546350.74	18	607475.83	1546343.86
7	607467.01	1546350.30	19	607474.62	1546343.64
8	607469.69	1546350.25	20	607462.79	1546343.76
9	607472.67	1546350.43	21	607457.74	1546343.34
10	607473.93	1546350.26	22	607455.58	1546342.90
11	607475.07	1546349.88	23	607457.07	1546347.54
12	607476.00	1546349.26			

KHU VỰC IV: Diện tích 1,05 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	Y	X		Y	X
1	607451.06	1546328.78	27	607493.54	1546238.07
2	607456.44	1546325.82	28	607482.94	1546240.30
3	607469.69	1546313.90	29	607479.52	1546241.59
4	607479.15	1546295.67	30	607475.70	1546243.94
5	607481.40	1546292.89	31	607474.44	1546244.28
6	607485.68	1546289.61	32	607463.79	1546257.74
7	607490.28	1546286.70	33	607451.08	1546263.72
8	607498.46	1546283.65	34	607435.39	1546267.45
9	607500.49	1546282.90	35	607418.20	1546268.95
10	607503.35	1546281.03	36	607398.02	1546273.43
11	607504.71	1546278.74	37	607379.33	1546271.94
12	607504.41	1546271.65	38	607378.58	1546254.75
13	607504.68	1546268.43	39	607385.62	1546240.19
14	607505.32	1546263.98	40	607336.31	1546235.86
15	607504.80	1546261.01	41	607323.70	1546236.88
16	607502.89	1546257.14	42	607320.05	1546239.72
17	607502.41	1546254.23	43	607308.97	1546253.08
18	607502.66	1546252.64	44	607302.71	1546264.25
19	607503.36	1546250.98	45	607299.11	1546276.64
20	607504.49	1546249.36	46	607299.26	1546290.43
21	607508.84	1546244.41	47	607296.47	1546307.51
22	607511.08	1546240.92	48	607293.84	1546314.42
23	607512.58	1546237.07	49	607373.17	1546305.73
24	607509.97	1546236.58	50	607422.42	1546284.53
25	607505.67	1546237.45	51	607441.30	1546298.36
26	607498.69	1546237.57			

KHU VỰC V: Diện tích 0,07 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	Y	X		Y	X
1	606989.50	1546172.24	4	606959.13	1546101.39
2	606983.43	1546130.72	5	606971.34	1546134.17
3	606974.60	1546100.45			

KHU VỰC VI: Diện tích 1,75 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	Y	X		Y	X
1	606503.36	1545872.25	11	606317.64	1545770.54
2	606504.12	1545794.71	12	606312.90	1545778.06
3	606447.51	1545789.57	13	606300.60	1545807.95
4	606420.93	1545793.35	14	606326.89	1545823.72
5	606401.13	1545770.29	15	606335.69	1545828.26
6	606379.72	1545770.15	16	606342.72	1545833.66
7	606377.51	1545778.05	17	606340.52	1545847.01
8	606368.46	1545776.81	18	606318.41	1545840.09
9	606359.00	1545768.05	19	606350.14	1545853.69
10	606330.79	1545757.37	20	606356.66	1545889.77

KHU VỰC VII: Diện tích 0,23 ha.

TT	Tọa độ		TT	Tọa độ	
	Y	X		Y	X
1	607687.14	1545082.65	6	607718.28	1545017.77
2	607744.73	1545074.58	7	607717.15	1545028.77
3	607721.56	1545010.06	8	607721.10	1545033.81
4	607691.57	1545015.29	9	607707.37	1545039.52
5	607692.45	1545021.28	10	607689.20	1545044.27
